

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 04

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết Luật Thương mại và hướng dẫn thi hành quy định về hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở giao dịch hàng hoá, bao gồm:

- Hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.
- Điều kiện thành lập Sở giao dịch hàng hóa, quyền hạn, trách nhiệm của Sở giao dịch hàng hóa và việc phê duyệt Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa.
- Điều kiện hoạt động của thương nhân môi giới mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.
- Các biện pháp quản lý trong trường hợp khẩn cấp.
- Quyền hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với Sở giao dịch hàng hóa và các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở giao dịch hàng hóa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa (sau đây gọi tắt là Điều lệ hoạt động) là Quy tắc điều chỉnh hoạt động giao dịch của Sở giao dịch hàng hóa, của

các thành viên và các chủ thể khác liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

2. *Khách hàng* là tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của Sở giao dịch hàng hóa, thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa thông qua thành viên của Sở giao dịch hàng hóa.

3. *Lệnh giao dịch* là yêu cầu của khách hàng hoặc thành viên gửi đến hệ thống giao dịch của Sở giao dịch hàng hóa thể hiện ý chí mua, bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

4. *Ngày giao dịch đầu tiên* là ngày hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng quyền chọn được niêm yết để bắt đầu giao dịch.

5. *Ngày giao dịch cuối cùng* là ngày cuối cùng hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng quyền chọn được phép giao dịch.

6. *Ký quỹ bảo đảm tư cách thành viên* là việc thành viên gửi một khoản tiền hoặc giấy tờ có giá khác vào tài khoản ngân hàng của Sở giao dịch hàng hóa để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thành viên.

7. *Ký quỹ giao dịch* là việc khách hàng hoặc thành viên gửi một khoản tiền vào tài khoản được chỉ định theo quy định của Sở giao dịch hàng hóa để đảm bảo thực hiện giao dịch.

8. *Phí thành viên* là khoản tiền thành viên phải nộp cho Sở giao dịch hàng hóa phù hợp với quy định tại Điều lệ hoạt động.

9. *Phí giao dịch* là khoản tiền thành viên, Sở giao dịch hàng hóa thu trên từng giao dịch.

10. *Tháng đáo hạn hợp đồng* là tháng mà hợp đồng hết hạn hiệu lực, các bên phải thanh toán, giao nhận hàng hóa để thực hiện hợp đồng.

11. *Tất toán hợp đồng* là việc thanh toán tất cả các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng mà các bên nắm giữ hợp đồng phải thực hiện.

12. *Liên thông* là việc kết nối hoạt động của các Sở giao dịch hàng hóa, cho phép khách hàng của Sở giao dịch hàng hóa này có thể giao dịch hợp đồng được niêm yết bởi Sở giao dịch hàng hóa khác.

Điều 4. Quản lý Nhà nước

1. Chính phủ thống nhất quản lý hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

2. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, bao gồm:

a) Trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa;

b) Quyết định việc thành lập và hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa, phê chuẩn Điều lệ hoạt động, cấp sửa đổi, bổ sung và cấp lại Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa;

- c) Thực hiện thủ tục đăng ký liên thông của Sở giao dịch hàng hóa;
 - d) Thực hiện các biện pháp quản lý cần thiết trong trường hợp khẩn cấp;
 - đ) Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa;
 - e) Quản lý, giám sát thị trường mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, hoạt động ký quỹ, thanh toán, tất toán hợp đồng, quản lý rủi ro;
 - g) Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước khác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương.
2. Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước đối với giao dịch hàng hóa, bao gồm:
- a) Phối hợp với Bộ Công Thương trong việc thẩm tra năng lực tài chính của doanh nghiệp đề nghị thành lập Sở giao dịch hàng hóa;
 - b) Phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý, giám sát thị trường mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, hoạt động ký quỹ, thanh toán, tất toán hợp đồng, quản lý rủi ro.
3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quản lý hoạt động thanh toán quốc tế, chuyển tiền, giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài thông qua tổ chức tín dụng được phép.
4. Bộ Công an chịu trách nhiệm phối hợp thẩm tra các yếu tố an ninh, an toàn hệ thống thông tin; chủ trì công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng, tội phạm công nghệ cao, gian lận trong giao dịch hàng hóa.
5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc quản lý hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Chương II

THÀNH LẬP SỞ GIAO DỊCH HÀNG HOÁ

Điều 5. Điều kiện thành lập Sở giao dịch hàng hóa

Doanh nghiệp đề nghị thành lập Sở giao dịch hàng hóa phải đáp ứng các điều kiện sau:

- 1. Là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam, trường hợp là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không được quá 49%.
- 2. Vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng (năm trăm tỷ đồng) trở lên.
- 3. Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng các yêu cầu sau:
 - a) Nền tảng giao dịch điện tử bảo đảm:

- Kết nối liên tục, an toàn, tốc độ xử lý lệnh tối thiểu 10.000 giao dịch/giây với độ trễ nhỏ hơn 100ms/lệnh;

- Có cơ chế ghi nhận, lưu trữ toàn bộ lệnh giao dịch, sửa lệnh, huỷ lệnh, kết quả khớp lệnh theo thời gian thực.

b) Hệ thống quản lý ký quỹ và thanh toán bù trừ bảo đảm:

- Tự động kiểm tra mức ký quỹ ban đầu, ký quỹ duy trì, phát cảnh báo và xử lý gọi ký quỹ bổ sung;

- Bảo đảm dữ liệu chính xác, không bị can thiệp, chỉnh sửa ngoài quy trình.

c) Hệ thống giám sát giao dịch bảo đảm:

- Có chức năng theo dõi toàn bộ hoạt động giao dịch, phát hiện bất thường và cảnh báo sớm đối với giao dịch nội gián, thao túng giá, vượt hạn mức vị thế;

- Lưu giữ toàn bộ nhật ký giám sát trong thời hạn tối thiểu 05 năm.

d) Yêu cầu về an toàn thông tin và dự phòng:

- Hệ thống được thiết kế theo tiêu chuẩn an ninh mạng tối thiểu cấp độ 3 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin hoặc tương đương;

- Có trung tâm dữ liệu dự phòng tại địa điểm khác, đảm bảo khôi phục hệ thống trong thời gian tối đa 24 giờ kể từ khi xảy ra sự cố;

- Có cơ chế kiểm soát truy cập, phân quyền, chứng thực đa lớp đối với tất cả người dùng, bao gồm xác thực thông tin khách hàng, xác minh tài khoản giao dịch.

đ) Kết nối với thành viên giao dịch:

- Hệ thống phải cung cấp giao diện kết nối chuẩn cho các thành viên;

- Đảm bảo khả năng kiểm thử, mô phỏng trước khi đưa vào vận hành chính thức;

- Cung cấp dữ liệu thị trường theo thời gian thực, bảo đảm độ chính xác, minh bạch.

4. Mô hình hoạt động, chức năng của Sở giao dịch hàng hóa phù hợp với thông lệ quốc tế và có giải pháp, lộ trình niêm yết hàng hóa xuất xứ Việt Nam.

5. Có Dự thảo Điều lệ hoạt động đáp ứng quy định tại Nghị định này.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị thành lập Sở giao dịch hàng hóa

1. Văn bản đề nghị thành lập Sở giao dịch hàng hóa theo Mẫu 01.GĐN quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Báo cáo mô tả hệ thống công nghệ thông tin và các tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về hệ thống công nghệ thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định này.

3. Đề án giải trình về mô hình hoạt động, chức năng của Sở giao dịch hàng hóa phù hợp với thông lệ quốc tế và giải pháp, lộ trình niêm yết hàng hóa xuất xứ Việt Nam trong thời gian 05 năm.

4. Dự thảo Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa với các nội dung theo quy định Nghị định này.

Điều 7. Cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa

1. Bộ Công Thương là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và chịu trách nhiệm thẩm tra các điều kiện và hồ sơ đề nghị thành lập Sở giao dịch hàng hóa theo quy định tại Nghị định này.

2. Trong quá trình thẩm tra, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 4 của Nghị định này để đánh giá hồ sơ đề nghị thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

3. Trình tự cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa

a) Thương nhân nộp 01 bộ hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công Thương;

b) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân sửa đổi, bổ sung;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương có trách nhiệm thẩm tra và cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong trường hợp đáp ứng đủ điều kiện theo quy định. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

Điều 8. Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa

1. Nội dung của Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa (sau đây gọi tắt là Giấy phép thành lập) theo Mẫu số 01.GP quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thời hạn của Giấy phép thành lập là 05 năm kể từ ngày cấp.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập

1. Trường hợp có thay đổi nội dung của Giấy phép thành lập, thương nhân nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công Thương.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập gồm có:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập theo Mẫu số 02.GĐN quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ nêu tại khoản 2 Điều này, Bộ Công Thương quyết định việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập. Trong trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 10. Cấp lại Giấy phép thành lập

Việc cấp lại Giấy phép thành lập được thực hiện trong hai trường hợp sau:

1. Giấy phép bị mất, bị rách hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác

a) Thương nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công Thương;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập gồm có văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập theo Mẫu số 03.GĐN quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương quyết định cấp lại Giấy phép thành lập.

2. Trường hợp Giấy phép thành lập hết hiệu lực

Tối thiểu 30 ngày trước ngày Giấy phép thành lập hết hiệu lực, thương nhân thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Nghị định này.

Bộ Công Thương có quyền từ chối tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập trong trường hợp Sở giao dịch hàng hóa không thực hiện việc niêm yết hợp đồng hàng hóa xuất xứ Việt Nam trên Sở giao dịch hàng hóa.

Điều 11. Tạm đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập

1. Bộ Công Thương có quyền tạm đình chỉ Giấy phép thành lập trong trường hợp Sở giao dịch hàng hóa vi phạm các quy định về trách nhiệm của Sở giao dịch hàng hóa có khả năng dẫn đến rủi ro cho hoạt động của thị trường.

2. Bộ Công Thương có quyền thu hồi Giấy phép thành lập trong trường hợp Sở giao dịch hàng hóa không bảo đảm các điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật, cụ thể:

a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa là gian dối hoặc tài liệu giả mạo;

b) Sở giao dịch hàng hóa do những người bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp thành lập;

c) Không thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Nghị định này;

d) Không thực hiện đúng các điều kiện theo quy định;

đ) Không đăng ký mã số thuế hoặc bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định pháp luật;

e) Không hoạt động tại trụ sở đăng ký trong thời hạn 06 tháng liên tục, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa hoặc Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa (nếu có thay đổi về trụ sở);

g) Ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm liên tục mà không thông báo với Bộ Công Thương;

h) Không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật về doanh nghiệp trong 12 tháng liên tục hoặc trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày có yêu cầu bằng văn bản.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc tính từ ngày quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực, Bộ Công Thương có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi đến Sở giao dịch hàng hóa bị thu hồi giấy phép và các cơ quan, đơn vị liên quan; công bố thông tin thu hồi giấy phép trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương. Sở giao dịch hàng hóa phải nộp bản gốc Giấy phép đến Bộ Công Thương trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy phép.

Điều 12. Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa

1. Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Quy chế niêm yết, giao dịch, thanh toán, quản lý thành viên phù hợp với đặc điểm của từng loại giao dịch;
- b) Điều kiện và thủ tục chấp thuận tư cách thành viên; quyền và nghĩa vụ thành viên;
- c) Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên và trách nhiệm khi chấm dứt tư cách thành viên;
- d) Loại hàng hóa giao dịch, bao gồm hàng hóa xuất xứ Việt Nam; tiêu chuẩn và đơn vị đo lường của loại hàng hóa đó;
- đ) Mẫu hợp đồng giao dịch và lệnh giao dịch;
- e) Thời hạn giao dịch hợp đồng và quy trình thực hiện giao dịch;
- g) Ký quỹ giao dịch và phí giao dịch;
- h) Các phương thức, thủ tục thực hiện hợp đồng;
- i) Nội dung công bố thông tin của Sở giao dịch hàng hóa và các báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính của các thành viên;
- k) Các biện pháp quản lý rủi ro;
- l) Giải quyết tranh chấp.

2. Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa không được trái với pháp luật hiện hành và quy định tại Nghị định này.

Điều 13. Phê chuẩn Điều lệ hoạt động sửa đổi, bổ sung của Sở giao dịch hàng hóa

1. Trường hợp có thay đổi nội dung Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa được quy định tại Điều 12 Nghị định này, Sở giao dịch hàng hóa lập hồ sơ đề nghị qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công Thương.

2. Thành phần hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị sửa đổi Điều lệ theo Mẫu số 04. GĐN quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Dự thảo Điều lệ;
- c) Biên bản thông qua Dự thảo Điều lệ.

3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của Sở giao dịch hàng hóa nêu tại khoản 2 Điều này, Bộ Công Thương quyết định phê chuẩn việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa. Trong trường hợp không phê chuẩn Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Sở giao dịch hàng hóa, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở giao dịch hàng hóa

1. Duy trì điều kiện thành lập và thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2. Tuân thủ Điều lệ hoạt động, bảo đảm cạnh tranh công bằng, tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về giao dịch, thanh toán, công bố thông tin và quản trị rủi ro.

3. Bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống giao dịch, thanh toán, bù trừ hoạt động an toàn, liên tục, có khả năng dự phòng và phòng ngừa rủi ro sự cố.

4. Bảo đảm việc giao nhận hàng hóa theo đúng hợp đồng mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

5. Triển khai các biện pháp để thực hiện lộ trình niêm yết hàng hóa xuất xứ Việt Nam đúng với Hồ sơ đề nghị cấp phép.

6. Thực hiện giám sát giao dịch nhằm phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm như thao túng giá, gian lận, rửa tiền và các hành vi bị cấm khác; áp dụng cơ chế cảnh báo sớm, giới hạn vị thế, giới hạn giao dịch để bảo đảm an toàn thị trường.

7. Chấp thuận và chấm dứt tư cách thành viên của Sở giao dịch hàng hóa theo quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan; giám sát việc tuân thủ nghĩa vụ của thành viên; xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

8. Tổ chức đào tạo, phổ biến kiến thức, hướng dẫn nghiệp vụ cho thành viên và nhà đầu tư nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức tuân thủ quy định của pháp luật.

9. Bảo đảm điều kiện và thực hiện kết nối với hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan quản lý nhà nước để truyền dữ liệu giao dịch phục vụ công tác quản lý nhà nước.

10. Phối hợp với thành viên, người giao dịch trong việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế, phí và nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa theo quy định pháp luật.

11. Định kỳ báo cáo tình hình hoạt động về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

12. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập, Sở giao dịch hàng hóa công bố nội dung Giấy phép thành lập, Điều lệ hoạt động và các thông tin khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 15. Trung tâm thanh toán bù trừ

1. Trung tâm thanh toán bù trừ là tổ chức của Sở giao dịch hàng hóa (dưới đây gọi tắt là Trung tâm thanh toán bù trừ) thực hiện chức năng thanh toán bù trừ cho các giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

2. Trung tâm thanh toán bù trừ có trách nhiệm:

- a) Thực hiện bù trừ, xác nhận nghĩa vụ thanh toán, giao nhận hàng hoá/tài sản theo đúng quy định;
- b) Bảo đảm việc thanh toán, giao nhận được thực hiện chính xác, an toàn, đúng thời hạn;
- c) Quy định, tổ chức thu, quản lý, sử dụng ký quỹ của thành viên bù trừ;
- d) Thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro, bao gồm yêu cầu nộp bổ sung ký quỹ, áp dụng quỹ bảo đảm, cơ chế xử lý khi thành viên mất khả năng thanh toán;
- đ) Thiết lập cơ chế giám sát, phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục sự cố hệ thống trong thời hạn theo quy định;
- e) Công bố kịp thời các quy tắc bù trừ, thanh toán, quản lý rủi ro;
- g) Cung cấp đầy đủ thông tin cho thành viên, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức liên quan theo quy định;
- h) Báo cáo định kỳ và đột xuất về hoạt động bù trừ, thanh toán, quản lý rủi ro cho cơ quan quản lý nhà nước;
- i) Tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và các nghĩa vụ pháp lý khác theo quy định pháp luật.
- k) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Điều 16. Chế độ báo cáo, kết nối dữ liệu của Sở giao dịch hàng hóa

1. Sở giao dịch hàng hóa có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về hoạt động tổ chức, vận hành và giao dịch đến Bộ Công Thương theo quy định.

2. Bộ Công Thương quy định cụ thể việc kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

3. Nội dung và hình thức báo cáo theo khoản 1 Điều này:

- a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- b) Báo cáo định kỳ về hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa; nội dung và yêu cầu cụ thể do Bộ Công Thương quy định chi tiết;
- c) Nội dung báo cáo đột xuất theo yêu cầu cụ thể của cơ quan có thẩm quyền;
- d) Sở giao dịch hàng hóa gửi báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền dưới dạng văn bản và dưới dạng tệp dữ liệu điện tử.

4. Thời hạn nộp báo cáo:

- a) Đối với báo cáo định kỳ:
 - Trước ngày 15 tháng 4 đối với báo cáo quý 1 và trước ngày 15 tháng 10 đối với báo cáo quý 3 hàng năm;
 - Trước ngày 20 tháng 7 đối với báo cáo sáu tháng đầu năm;

- Trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo đối với báo cáo cả năm trước.

b) Đối với báo cáo đột xuất

Khi có diễn biến bất thường trong giao dịch, Sở giao dịch hàng hóa phải gửi báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền.

Điều 17. Đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực mua bán hàng hoá qua Sở giao dịch hàng hoá

1. Nhà đầu tư nước ngoài có quyền góp vốn vào doanh nghiệp đã được cấp phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa tại Việt Nam với tỉ lệ cổ phần, phần vốn góp không quá 49% vốn điều lệ.

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện theo quy định được đề nghị thành lập Sở giao dịch hàng hoá.

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện theo quy định được đăng ký làm thành viên của Sở giao dịch hàng hóa.

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, người nước ngoài có tài khoản mở tại ngân hàng của Việt Nam được làm tham gia giao dịch mua bán hàng hoá qua Sở giao dịch hàng hoá.

Chương III

THÀNH VIÊN CỦA SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA

Điều 18. Thành viên của Sở giao dịch hàng hóa

1. Thành viên kinh doanh được thực hiện hoạt động tự doanh và hoạt động môi giới mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

2. Thành viên môi giới chỉ được thực hiện hoạt động môi giới hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

3. Thành viên bù trừ là tổ chức được Trung tâm thanh toán bù trừ chấp thuận, có quyền và nghĩa vụ thực hiện bù trừ, thanh toán cho các giao dịch của chính mình, của khách hàng và/hoặc của thành viên giao dịch khác theo quy định.

4. Thành viên thanh toán là tổ chức tín dụng được Sở giao dịch hàng hóa chỉ định để thực hiện dịch vụ thanh toán cho các giao dịch qua Sở giao dịch hàng hóa.

5. Thành viên lưu ký hoặc giao nhận hàng hoá là tổ chức được Sở giao dịch hàng hóa chỉ định thực hiện việc lưu ký, bảo quản, giao nhận hàng hoá đối với các giao dịch có phương thức giao nhận vật chất.

Điều 19. Chấp thuận tư cách thành viên Sở giao dịch hàng hóa

1. Thương nhân có nguyện vọng trở thành thành viên của Sở giao dịch hàng hóa có quyền đề nghị Sở giao dịch hàng hóa chấp thuận tư cách thành viên.

2. Căn cứ các điều kiện quy định tại Nghị định này và Điều lệ hoạt động, Sở giao dịch hàng hóa xem xét việc chấp thuận tư cách thành viên cho thương nhân.

3. Trường hợp từ chối chấp thuận tư cách thành viên, Sở giao dịch hàng hóa phải trả lời thương nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 20. Thành viên kinh doanh

1. Thành viên kinh doanh phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- b) Vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng (năm mươi tỷ đồng) trở lên.
- c) Các điều kiện khác theo quy định của Điều lệ hoạt động.

2. Quyền của thành viên kinh doanh

a) Thực hiện các hoạt động tự doanh hoặc nhận ủy thác mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa cho khách hàng;

b) Yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo thực hiện giao dịch trong trường hợp nhận ủy thác thực hiện việc mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa cho khách hàng;

c) Các quyền khác theo quy định của Nghị định này và Điều lệ hoạt động.

3. Nghĩa vụ của thành viên kinh doanh

a) Ký quỹ bảo đảm tư cách thành viên, ký quỹ giao dịch trước khi thực hiện các giao dịch qua Sở giao dịch hàng hóa;

b) Nộp phí thành viên, phí giao dịch và các loại phí khác theo quy định của Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa;

c) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ và trong giao dịch;

d) Trong trường hợp nhận ủy thác, phải ký kết hợp đồng ủy thác bằng văn bản với khách hàng và chỉ được thực hiện giao dịch cho khách hàng khi nhận được lệnh ủy thác giao dịch từ khách hàng;

đ) Cung cấp đầy đủ, trung thực và kịp thời thông tin cho khách hàng;

e) Lưu giữ các chứng giao dịch với khách hàng;

g) Ưu tiên thực hiện lệnh ủy thác giao dịch của khách hàng trước lệnh giao dịch tự doanh;

h) Đảm bảo hạch toán riêng hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa của từng khách hàng và tự doanh;

i) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng theo quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin cá nhân trong quá trình thu thập, lưu giữ, sử dụng và xử lý thông tin của khách hàng;

k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Nghị định này và Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa.

Điều 21. Thành viên môi giới

1. Thành viên môi giới phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Vốn điều lệ tối thiểu từ 25 tỷ đồng (hai mươi lăm tỷ đồng) trở lên;
- c) Các điều kiện khác theo quy định của Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa.

2. Quyền và nghĩa vụ của thành viên môi giới

- a) Quyền và nghĩa vụ của thành viên môi giới thực hiện theo Luật Thương mại và Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa;
- b) Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; có trách nhiệm bảo mật, lưu giữ và không tiết lộ thông tin cá nhân của khách hàng, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Chấm dứt tư cách thành viên

Sở giao dịch hàng hóa chấm dứt tư cách thành viên trong các trường hợp sau đây:

- 1. Thành viên không còn đáp ứng các điều kiện theo quy định.
- 2. Thành viên giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.
- 3. Thành viên tự đề nghị chấm dứt tư cách thành viên và được Sở giao dịch hàng hóa chấp thuận theo quy định của Điều lệ hoạt động.
- 4. Thành viên có hành vi vi phạm thuộc trường hợp chấm dứt tư cách thành viên theo quy định của Điều lệ hoạt động hoặc quy định của pháp luật.

Điều 23. Trách nhiệm của thành viên khi chấm dứt tư cách thành viên

- 1. Thương nhân khi chấm dứt tư cách thành viên phải thông báo cho khách hàng về lý do chấm dứt tư cách thành viên và việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng theo ủy thác của khách hàng.
- 2. Trong trường hợp chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại Nghị định này, Sở giao dịch hàng hóa có quyền yêu cầu thành viên đó phải ủy nhiệm cho thành viên khác thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Trường hợp thành viên bị chấm dứt không ủy nhiệm được thì Sở giao dịch hàng hóa có quyền chỉ định thành viên khác thực hiện.
- 3. Thương nhân chấm dứt tư cách thành viên có nghĩa vụ chuyển giao các thông tin cần thiết về khách hàng cho thành viên nhận ủy nhiệm hoặc được chỉ định.
- 4. Sau khi việc ủy nhiệm hoặc chỉ định thành viên thực hiện nghĩa vụ hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện, tiền ký quỹ của khách hàng cho thành viên bị chấm dứt tư cách thành viên phải được chuyển thành tiền ký quỹ của khách hàng cho thành viên kinh doanh nhận ủy nhiệm hoặc được chỉ định.
- 5. Thương nhân chấm dứt tư cách thành viên phải trả phí thực hiện nghĩa vụ hợp đồng cho thương nhân mình ủy nhiệm hoặc được Sở giao dịch hàng hóa chỉ định theo quy định tại Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa.

6. Thương nhân khi chấm dứt tư cách thành viên phải thực hiện các nghĩa vụ đã phát sinh với khách hàng và các chủ thể khác liên quan đến hoạt động giao dịch của mình tại Sở giao dịch hàng hóa, trường hợp gây thiệt hại cho khách hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV

MUA BÁN HÀNG HOÁ QUA SỞ GIAO DỊCH HÀNG HOÁ

Điều 24. Quyền và trách nhiệm của cá nhân, thương nhân tham gia giao dịch

1. Mọi cá nhân, thương nhân được tham gia giao dịch trên Sở giao dịch hàng hóa.
2. Cá nhân, thương nhân tham gia giao dịch trên Sở giao dịch hàng hóa có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành về mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và Điều lệ hoạt động, quy chế hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa.

Điều 25. Hàng hóa mua bán qua Sở giao dịch hàng hóa

1. Hàng hóa được phép mua bán qua Sở giao dịch hàng hóa là hàng hóa không thuộc ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định pháp luật.
2. Trường hợp thực hiện hợp đồng bằng giao nhận hàng hóa vật chất thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, cá nhân, thương nhân đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Điều 26. Thời gian giao dịch

1. Sở giao dịch hàng hóa công bố thời gian giao dịch cụ thể, bao gồm ngày giao dịch, phiên giao dịch, thời gian khớp lệnh giao dịch và giờ mở cửa, đóng cửa của ngày giao dịch.
2. Sở giao dịch hàng hóa có thể tạm thời thay đổi thời gian giao dịch trong các trường hợp sau đây:
 - a) Hệ thống giao dịch có sự cố dẫn đến việc không thể thực hiện các lệnh giao dịch như thường lệ;
 - b) Quá nửa số thành viên có sự cố về hệ thống chuyển lệnh giao dịch;
 - c) Các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.
3. Khi xảy ra các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, Sở giao dịch hàng hóa phải tạm ngừng giao dịch cho đến khi khắc phục được các trường hợp này. Trường hợp không khắc phục được trong phiên giao dịch thì phiên giao dịch được coi là kết thúc vào lần khớp lệnh ngay trước đó.
4. Sở giao dịch hàng hóa công bố kịp thời các trường hợp được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 27. Lệnh giao dịch

1. Thành viên kinh doanh yêu cầu giao dịch qua Sở giao dịch hàng hóa bằng lệnh giao dịch.
2. Nội dung lệnh giao dịch cho từng loại giao dịch và từng loại hàng hóa do Sở giao dịch hàng hóa quy định.
3. Thành viên được phép sửa đổi hoặc hủy bỏ lệnh giao dịch của mình trong trường hợp chưa khớp lệnh và các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa.

Điều 28. Phương thức và nguyên tắc khớp lệnh giao dịch

1. Sở giao dịch hàng hóa tổ chức hoạt động giao dịch mua bán hàng hóa theo các phương thức khớp lệnh tập trung, bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng cho các bên tham gia thị trường.
2. Các phương thức giao dịch được áp dụng bao gồm:
 - a) Khớp lệnh định kỳ: Là phương thức xác định giá khớp lệnh tại một thời điểm xác định trong ngày giao dịch, áp dụng nguyên tắc:
 - Mức giá thực hiện là mức giá đạt được khối lượng giao dịch lớn nhất;
 - Nếu có nhiều mức giá cùng đạt điều kiện trên thì lấy mức giá trùng hoặc gần nhất với giá thực hiện của lần khớp lệnh gần nhất;
 - Nếu vẫn có nhiều mức giá thỏa mãn điều kiện trên thì lấy mức giá cao nhất.
 - b) Khớp lệnh liên tục theo nguyên tắc ưu tiên giá - thời gian: Là phương thức phổ biến, trong đó lệnh được xếp hàng và khớp theo thứ tự ưu tiên về giá, sau đó là thời gian nhập lệnh. Lệnh mua có giá cao hơn và lệnh bán có giá thấp hơn sẽ được ưu tiên khớp trước.
 - c) Khớp lệnh theo tỷ lệ khối lượng: Áp dụng đối với các hợp đồng có thanh khoản cao, lệnh mua hoặc bán tại cùng một mức giá được phân bổ khối lượng khớp lệnh theo tỷ lệ phần trăm so với tổng khối lượng lệnh đang chờ khớp tại mức giá đó.
 - d) Phương thức chào giá trực tiếp: Áp dụng đối với các giao dịch có khối lượng lớn hoặc sản phẩm chuyên biệt, theo đó thương nhân, nhà đầu tư gửi yêu cầu báo giá và nhận báo giá từ một hoặc nhiều đối tác giao dịch đủ điều kiện, sau đó thực hiện giao dịch nếu các điều kiện phù hợp.
3. Căn cứ điều kiện thực tế của thị trường, tính chất từng loại hàng hóa, mức độ thanh khoản và nhu cầu của nhà đầu tư, Sở giao dịch hàng hóa được quyền áp dụng linh hoạt một hoặc nhiều phương thức nêu tại khoản 2 Điều này.

Điều 29. Công bố thông tin giao dịch của Sở giao dịch hàng hóa

1. Sở giao dịch hàng hóa có trách nhiệm công bố công khai, minh bạch các thông tin liên quan đến hoạt động giao dịch hàng hóa trên hệ thống giao dịch theo quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động, bao gồm:

a) Chỉ số giá giao dịch tổng hợp trong ngày giao dịch đối với từng loại hàng hóa được niêm yết, bao gồm: giá mở cửa, giá đóng cửa, mức giá cao nhất, mức giá thấp nhất và các mức giá được khớp;

b) Kết quả giao dịch theo từng phương thức khớp lệnh, bao gồm: loại hàng hóa, tổng khối lượng hàng hóa đã khớp lệnh trong ngày, khối lượng lệnh mua, lệnh bán tại các mức giá khớp lệnh và các thông số kỹ thuật liên quan;

c) Dữ liệu giao dịch tổng hợp theo từng sản phẩm, không bao gồm thông tin định danh của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia giao dịch;

d) Thông tin liên quan đến biên độ dao động giá, vị thế mở, khối lượng giao dịch trong phiên, khối lượng lệnh chưa khớp và các chỉ số kỹ thuật hỗ trợ thị trường khác;

đ) Các thông báo, cảnh báo bất thường (nếu có) về biến động giá, khối lượng giao dịch, gián đoạn hệ thống hoặc các tình huống thị trường cần lưu ý.

2. Việc công bố thông tin liên quan đến kết quả giao dịch của khách hàng, thành viên kinh doanh, thành viên môi giới và các tổ chức, cá nhân tham gia thị trường chỉ được thực hiện dưới dạng dữ liệu tổng hợp, không tiết thông tin cụ thể trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Hình thức, thời điểm, nội dung, tần suất công bố thông tin được thực hiện theo Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa.

Điều 30. Ký quỹ giao dịch của thành viên

1. Mức ký quỹ giao dịch được thực hiện theo quy định tại Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa.

2. Sở giao dịch hàng hóa quy định cụ thể mức ký quỹ ban đầu khi đặt lệnh giao dịch nhưng không được thấp hơn 5% trị giá của từng lệnh giao dịch.

3. Khi đặt lệnh giao dịch qua Sở giao dịch hàng hóa, thành viên kinh doanh phải đảm bảo số dư tài khoản của mình mở tại Trung tâm thanh toán bù trừ đáp ứng các điều kiện về mức ký quỹ giao dịch khi đặt lệnh.

4. Trong một thời hạn nhất định theo quy định của Điều lệ hoạt động của Sở Giao dịch hàng hóa, thành viên kinh doanh phải bổ sung tiền ký quỹ khi có biến động giá. Trường hợp không bổ sung tiền ký quỹ đúng hạn, Sở giao dịch hàng hóa có quyền tắt toán hợp đồng với thành viên kinh doanh.

5. Trong trường hợp số dư tài khoản vượt mức ký quỹ theo quy định thì thành viên kinh doanh có quyền rút lại khoản vượt mức đó.

Điều 31. Thời hạn giao dịch hợp đồng

1. Thời hạn giao dịch hợp đồng qua Sở giao dịch hàng hóa được tính từ phiên giao dịch đầu tiên của ngày đầu tiên giao dịch hợp đồng cho đến phiên giao dịch cuối cùng của ngày cuối cùng giao dịch hợp đồng.

2. Ngay sau khi hết thời hạn giao dịch hợp đồng, các bên nắm giữ hợp đồng có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng.

Điều 32. Phương thức thực hiện hợp đồng

1. Các bên giao dịch hợp đồng kỳ hạn có thể lựa chọn thực hiện hợp đồng theo một trong hai phương thức dưới đây:

a) Thanh toán bù trừ qua Trung tâm thanh toán bù trừ vào phiên cuối cùng của ngày cuối cùng giao dịch hợp đồng;

b) Giao nhận hàng hóa qua Thành viên lưu ký hoặc giao nhận hàng hoá.

2. Các bên giao dịch hợp đồng quyền chọn có thể lựa chọn thực hiện theo một trong hai phương thức dưới đây:

a) Thực hiện quyền chọn theo các phương thức quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Không thực hiện quyền chọn.

3. Trước ngày cuối cùng giao dịch hợp đồng, theo quy định của Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa, Sở giao dịch hàng hóa yêu cầu các thành viên kinh doanh lựa chọn việc thực hiện hợp đồng theo các phương thức được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Các thành viên kinh doanh thông báo cho Sở giao dịch hàng hóa theo quy định của Điều lệ hoạt động trong trường hợp lựa chọn thực hiện hợp đồng bằng phương thức giao nhận hàng hóa.

5. Trường hợp lựa chọn thực hiện hợp đồng bằng phương thức giao nhận hàng hóa, trong một thời hạn nhất định theo quy định của Sở giao dịch hàng hóa, thành viên kinh doanh có nghĩa vụ:

a) Nộp tiền vào tài khoản nếu là bên mua;

b) Giao hàng qua Thành viên lưu ký hoặc giao nhận hàng hoá nếu là bên bán.

Điều 33. Các biện pháp quản lý trong trường hợp khẩn cấp

1. Trường hợp xuất hiện nguy cơ gây mất ổn định thị trường giao dịch hàng hóa, ảnh hưởng đến an ninh kinh tế - tài chính, trật tự an toàn xã hội, hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng liên quan đến hoạt động giao dịch, Bộ Công Thương có quyền áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp sau:

a) Tạm ngừng, hạn chế hoạt động giao dịch điện tử trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch hàng hóa trong thời gian nhất định, nhằm ngăn chặn các hành vi đầu cơ, thao túng, gây rối thị trường hoặc đảm bảo an toàn hệ thống kỹ thuật;

b) Áp dụng chế độ kiểm soát đặc biệt đối với hệ thống công nghệ thông tin, bao gồm: tăng cường giám sát truy cập hệ thống, mã hóa dữ liệu giao dịch, nâng cấp hạ tầng bảo mật, kiểm soát dữ liệu đầu vào và đầu ra nhằm phòng ngừa mất an toàn thông tin hoặc bị can thiệp bất hợp pháp;

c) Công bố thông tin khẩn cấp liên quan đến giá cả, khối lượng giao dịch, diễn biến bất thường của thị trường và các rủi ro tiềm ẩn để đảm bảo minh bạch, ổn định tâm lý thị trường và phòng ngừa hành vi đầu cơ, thao túng giá;

d) Hạn chế hoặc đình chỉ tạm thời quyền truy cập hệ thống giao dịch đối với tổ chức, cá nhân có dấu hiệu gây rối, thao túng thị trường, vi phạm quy định pháp luật hoặc không tuân thủ quy tắc giao dịch.

2. Trường hợp áp dụng các biện pháp tại khoản 1 Điều này, Bộ Công Thương thông báo công khai lý do, phạm vi áp dụng, thời hạn hiệu lực của biện pháp và hướng dẫn thực hiện đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 34. Ủy thác mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa

1. Tổ chức, cá nhân không phải là thành viên kinh doanh của Sở giao dịch hàng hóa được phép ủy thác cho thành viên kinh doanh thực hiện các hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Sở.

2. Việc ủy thác phải được thực hiện thông qua hợp đồng ủy thác mua bán hàng hóa bằng văn bản, thể hiện rõ nội dung ủy thác, quyền và nghĩa vụ của các bên, trách nhiệm tài chính, điều kiện xử lý rủi ro và các nội dung liên quan khác.

3. Lệnh ủy thác giao dịch được thực hiện cho từng lần giao dịch cụ thể trên cơ sở hợp đồng ủy thác đã ký kết. Lệnh ủy thác có thể được lập dưới hình thức văn bản hoặc hình thức điện tử khác có thể lưu giữ, xác minh được, do các bên thỏa thuận.

4. Thành viên kinh doanh chỉ được thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa cho khách hàng sau khi đã nhận được lệnh ủy thác hợp lệ từ khách hàng.

5. Trường hợp khách hàng có yêu cầu bằng văn bản về việc điều chỉnh hoặc hủy lệnh ủy thác, thành viên kinh doanh phải thực hiện điều chỉnh hoặc hủy lệnh giao dịch tương ứng trong trường hợp lệnh đó chưa được khớp.

6. Thành viên kinh doanh có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ và an toàn các hồ sơ liên quan đến hoạt động ủy thác, bao gồm: hợp đồng ủy thác mua bán hàng hóa, lệnh ủy thác, các yêu cầu điều chỉnh hoặc hủy lệnh và các chứng từ, tài liệu liên quan khác theo thời hạn lưu trữ do pháp luật quy định.

7. Trường hợp tổ chức, cá nhân ủy thác cho thành viên kinh doanh thực hiện giao dịch hàng hóa tại Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài thông qua Sở giao dịch hàng hóa có liên thông, việc ủy thác phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tổ chức, cá nhân ủy thác phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ (đối với cá nhân) hoặc có tư cách pháp nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam (đối với tổ chức);

b) Có tài khoản ký quỹ hợp lệ mở tại tổ chức thanh toán bù trừ do Sở giao dịch hàng hóa chỉ định, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ký quỹ theo quy định đối với giao dịch hàng hóa có liên thông quốc tế;

c) Việc ủy thác phải được quy định rõ trong hợp đồng ủy thác, bao gồm thông tin về thị trường nước ngoài, loại hàng hóa, điều kiện giao dịch, phương thức thanh toán, quy định quản lý rủi ro và giải quyết tranh chấp;

d) Việc tham gia giao dịch thông qua liên thông phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, pháp luật của thị trường nước ngoài và các quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền liên quan;

đ) Thành viên kinh doanh có trách nhiệm kiểm tra, xác minh điều kiện của khách hàng trước khi nhận lệnh ủy thác, đồng thời phải đảm bảo báo cáo, lưu trữ đầy đủ thông tin và chịu trách nhiệm đối với hoạt động giao dịch được thực hiện qua cơ chế liên thông.

Điều 35. Phương thức bảo đảm thực hiện giao dịch của người giao dịch

1. Thành viên kinh doanh của Sở giao dịch hàng hóa phải yêu cầu khách hàng (người giao dịch? Làm rõ khái niệm để phân biệt người giao dịch và khách hàng?) ký quỹ để đảm bảo thực hiện các giao dịch mà khách hàng đã ủy thác cho thành viên kinh doanh thực hiện thông qua Sở giao dịch hàng hóa.

2. Hình thức ký quỹ bao gồm ký quỹ ban đầu, ký quỹ bổ sung và các hình thức ký quỹ khác theo thỏa thuận giữa thành viên kinh doanh và khách hàng.

3. Mức ký quỹ được xác định cụ thể theo thỏa thuận của các bên nhưng không được thấp hơn 5% trị giá lệnh ủy thác giao dịch. Mức ký quỹ này phải được duy trì bằng hình thức ký quỹ bổ sung theo từng ngày giao dịch để đảm bảo mức ký quỹ mà các bên thỏa thuận.

4. Số tiền ký quỹ giao dịch của khách hàng ủy thác cho thành viên thực hiện mua bán hàng hóa được quản lý theo quy định trên một tài khoản độc lập với tài khoản của thành viên.

5. Trong một thời hạn nhất định theo hợp đồng ủy thác mua bán hàng hóa, thành viên kinh doanh có quyền tất toán hợp đồng của khách hàng trong trường hợp khách hàng đó không bổ sung tiền ký quỹ quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Trong trường hợp mức ký quỹ vượt quá mức cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều này thì khách hàng có quyền rút lại khoản vượt mức đó.

Điều 36. Thông báo thực hiện giao dịch của thành viên

1. Ngay sau khi thực hiện các giao dịch cho khách hàng, thành viên thông báo đến khách hàng bằng văn bản kết quả đặt lệnh qua Sở giao dịch hàng hóa.

2. Trong trường hợp khớp lệnh, thành viên thông báo đến khách hàng các nội dung sau đây:

- a) Hình thức giao dịch;
- b) Hàng hóa giao dịch;
- c) Thời điểm và ngày giao dịch được thực hiện;
- d) Số lượng hợp đồng bán hoặc mua;
- đ) Giá cả giao dịch;
- e) Tổng trị giá các giao dịch đã thực hiện;
- g) Phí giao dịch;
- h) Các nội dung khác theo thỏa thuận với khách hàng.

3. Trong trường hợp lệnh giao dịch không thực hiện được thì thành viên thông báo ngay cho khách hàng và giải thích rõ lý do.

4. Ngay sau khi nhận được thông báo về việc thực hiện giao dịch theo các khoản 1, 2 và 3 Điều này, nếu phát hiện thông báo không đúng hoặc không phù hợp thì khách hàng có quyền khiếu nại bằng văn bản đến các thành viên về các nội dung được thông báo.

5. Trong trường hợp thực hiện hợp đồng bằng phương thức giao nhận hàng hóa thì thành viên thông báo đến khách hàng các nội dung quy định tại các điểm quy định tại khoản 2 Điều này và các nội dung sau:

- a) Tên của kho hàng;
- b) Tên người bán hoặc người mua hàng hóa;
- c) Số chứng nhận kho hàng;
- d) Các nội dung khác theo thỏa thuận của các bên

Điều 37. Thông báo tài khoản khách hàng của thành viên kinh doanh

1. Thông báo thường xuyên đến khách hàng bằng văn bản tình trạng tài khoản của khách hàng và yêu cầu khách hàng xác nhận tình trạng tài khoản đó.

2. Trường hợp tiền ký quỹ vượt quá mức cần thiết theo thỏa thuận của các bên thì thành viên kinh doanh thông báo ngay đến khách hàng và thực hiện theo các yêu cầu của khách hàng về việc hoàn lại số tiền ký quỹ vượt mức.

3. Trường hợp tiền ký quỹ không đủ mức cần thiết theo thỏa thuận của các bên thì thành viên kinh doanh thông báo ngay đến khách hàng và yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung cho đủ mức ký quỹ cần thiết.

4. Khách hàng có quyền khiếu nại đến thành viên kinh doanh khi không đồng ý với thông tin về tình trạng tài khoản mà thành viên kinh doanh cung cấp. Thành viên kinh doanh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

Điều 38. Mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài

1. Thương nhân Việt Nam có quyền tham gia hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài thông qua các Sở Giao dịch hàng hóa tại Việt Nam đã đăng ký liên thông.

2. Việc thanh toán, chuyển tiền đối với các giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài được thực hiện thông qua tổ chức tín dụng được phép thực hiện hoạt động thanh toán quốc tế ngoại hối trên cơ sở tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối có liên quan.

3. Sở giao dịch hàng hóa gửi hồ sơ đăng ký liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công Thương.

Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị đăng ký liên thông theo Mẫu số 05.GĐN quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản thỏa thuận hợp tác giữa Sở giao dịch hàng hóa tại Việt Nam và Sở giao dịch hàng hóa nước ngoài (hoặc thành viên kinh doanh tự bù trừ của Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài) có xác nhận của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài

kèm bản dịch hợp pháp do tổ chức dịch thuật có thẩm quyền công nhận. Nội dung thỏa thuận phải thể hiện rõ phạm vi, hình thức, phương thức liên thông; cơ chế kết nối hệ thống giao dịch, thanh toán, bù trừ;

c) Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện liên thông, bao gồm: Bản mô tả cơ chế kết nối và chia sẻ dữ liệu giao dịch; quy chế phối hợp giám sát, công bố thông tin, quản lý rủi ro và xử lý tranh chấp; tài liệu mô tả hệ thống công nghệ thông tin phục vụ liên thông.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký liên thông của Sở giao dịch hàng hóa, Bộ Công Thương tiến hành rà soát, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu Sở giao dịch hàng hóa bổ sung, hoàn thiện.

đ) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương tiến hành thẩm định, đánh giá và ban hành văn bản chấp thuận theo Mẫu số 03.GCN quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Công Thương có văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

e) Trường hợp Sở giao dịch hàng hóa nước ngoài ngừng hoạt động, bị thu hồi giấy phép, gặp sự cố pháp lý hoặc các tình huống có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của nhà đầu tư tại Việt Nam, Sở giao dịch hàng hóa của Việt Nam có trách nhiệm chủ động xử lý, kịp thời báo cáo Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan, đồng thời chấm dứt hoặc tạm ngừng hoạt động liên thông.

4. Việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa để thực hiện giao hàng theo hợp đồng mua bán qua Sở giao dịch hàng hóa thực hiện theo quy định về quản lý hoạt động ngoại thương.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 20...

2. Các Nghị định sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa;

b) Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

Điều 40. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Sở giao dịch hàng hóa đã được cấp phép thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực phải làm lại thủ tục cấp Giấy phép thành lập theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

2. Sau thời hạn nêu tại khoản 1 Điều này, Sở giao dịch hàng hóa không đáp ứng các điều kiện theo quy định sẽ bị thu hồi Giấy phép thành lập.

3. Trường hợp cấp mới Giấy phép thành lập thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 41. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

Phạm Minh Chính

Phụ lục I**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/ CẤP LẠI GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP/ ĐĂNG KÝ LIÊN THÔNG SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA**

*(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày.... tháng....năm 2025
của Chính phủ)*

Mẫu số 01.GĐN	Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa
Mẫu số 02.GĐN	Mẫu Giấy đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa
Mẫu số 03.GĐN	Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa
Mẫu số 04. GĐN	Mẫu Giấy đề nghị phê chuẩn Điều lệ hoạt động sửa đổi, bổ sung
Mẫu số 05. GĐN	Mẫu Giấy đề nghị đăng ký liên thông Sở giao dịch hàng hóa

Mẫu số 01.GĐN

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GĐN-

(Địa danh), ngày....tháng.... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA**

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên doanh nghiệp:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do.....
cấp ngày..... tháng..... năm.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Email:

Website:.....

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa cho doanh nghiệp với các nội dung sau:

1. Tên Sở giao dịch hàng hóa:

- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):.....
.....- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
.....

- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết tắt (nếu có):.....

2. Tên, địa chỉ nơi tổ chức giao dịch:
.....

3. Hợp đồng giao dịch dự kiến:

4. Vốn điều lệ:

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày tháng... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Hồ sơ, tài liệu gửi kèm
(Liệt kê đầy đủ):

1.....
2.....
3.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GĐN-

(Địa danh), ngày....tháng.... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA

Kính gửi: Bộ Công Thương

1. Tên doanh nghiệp:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do.....
cấp ngày..... tháng..... năm.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Email:

Website:.....

2. Tên Sở giao dịch hàng hóa (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập):.....

- Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....¹) số do Bộ Công Thương cấp ngày:...../...../.....

- Tên, địa chỉ nơi tổ chức giao dịch:.....

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa cho doanh nghiệp với các nội dung sau:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....

- Lý do sửa đổi, bổ sung:

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày tháng... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Hồ sơ, tài liệu gửi kèm

(Liệt kê đầy đủ):

1. Bản gốc Giấy phép thành lập Sở Giao dịch đã được cấp;
2. Tài liệu chứng minh tính hợp pháp, chính xác của nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung;

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi rõ lần sửa đổi, bổ sung (nếu có)

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GĐN-

(Địa danh), ngày....tháng.... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA**

Kính gửi: Bộ Công Thương

1. Tên doanh nghiệp:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do.....

cấp ngày..... tháng..... năm.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Email:

Website:.....

2. Tên Sở giao dịch hàng hóa (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập):.....

- Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....²) số do Bộ Công Thương cấp ngày:...../...../.....

- Tên, địa chỉ nơi tổ chức giao dịch:.....

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét cấp lại Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa cho doanh nghiệp với lý do sau:

.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày tháng... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Hồ sơ, tài liệu gửi kèm

(Liệt kê đầy đủ):

1. Bản gốc Giấy phép thành lập Sở Giao dịch đã được cấp; trong trường hợp bị rách hoặc bị hư hỏng thì nộp phần bản gốc còn lại của giấy phép;

2.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

² Ghi rõ lần sửa đổi, bổ sung (nếu có)

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GĐN-

(Địa danh), ngày....tháng.... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
PHÊ CHUẨN ĐIỀU LỆ HOẠT ĐỘNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
CỦA SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA

Kính gửi: Bộ Công Thương

1. Tên doanh nghiệp:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do.....
cấp ngày..... tháng..... năm.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Email:

Website:.....

2. Tên Sở Giao dịch hàng hóa (ghi bằng chữ in hoa, theo Giấy phép thành lập):

.....Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa (sửa đổi, bổ sung
lần thứ) số do Bộ Công Thương cấp ngày.../.../.....

Tên, địa chỉ nơi tổ chức giao dịch:

3. Nội dung đề nghị:

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét phê chuẩn Điều lệ hoạt động sửa đổi, bổ sung của
Sở Giao dịch hàng hóa với lý do sau:.....Doanh nghiệp xin cam đoan việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tuân thủ đầy đủ các quy định
tại Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định
chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và
các văn bản pháp luật liên quan.Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật./.**Hồ sơ, tài liệu gửi kèm**

(Liệt kê đầy đủ):

- Bản Điều lệ hoạt động sửa đổi, bổ sung của Sở Giao dịch hàng hóa;
- Văn bản giải trình nội dung sửa đổi, bổ sung;
- Biên bản thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 05.GĐN

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GĐN-

(Địa danh), ngày....tháng.... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ LIÊN THÔNG SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA**

Kính gửi: Bộ Công Thương

Công ty

- Mã số doanh nghiệp:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Email:

- Website:.....

là đại diện sở hữu của Sở giao dịch hàng hóa..... hoạt động theo Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa số..... /GP-BCT ngày tháng năm..... đề nghị Bộ Công Thương xem xét cấp phép liên thông với Sở giao dịch hàng hóa..... với các nội dung cụ thể sau:

1. Tên tiếng Việt của Sở giao dịch hàng hóa liên thông (chữ in hoa, có dấu):.....

.....

2. Tên tiếng nước ngoài (nếu có) của Sở giao dịch hàng hóa liên thông:.....

3. Tên tiếng viết tắt (nếu có) của Sở giao dịch hàng hóa liên thông:.....

4. Địa chỉ của Sở giao dịch hàng hóa liên thông:.....

5. Nội dung thỏa thuận về hợp đồng giao dịch liên thông:.....

Công tycam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng.... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tài liệu kèm theo:

1.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu:.....

Phụ lục II

*(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày.... tháng....năm 2025
của Chính phủ)*

Mẫu số 01.GP	Mẫu Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa (dùng cho trường hợp cấp mới và cấp lại)
Mẫu số 02.GP	Mẫu Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa (dùng cho trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung)
Mẫu số 03.GCN	Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký liên thông

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Số: /GP-BCT

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA****BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**Căn cứ⁽¹⁾.....;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày .. tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa theo Giấy đề nghị số..... của:.....⁽²⁾.....;

Theo đề nghị của⁽³⁾.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa cho⁽²⁾.....:

- Mã số doanh nghiệp:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Email:

- Website:.....

1. Tên Sở giao dịch hàng hóa:

- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết bằng tiếng Việt⁽⁴⁾:.....

- Tên Sở giao dịch hàng hóa bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết tắt (nếu có):.....

2. Tên, địa chỉ nơi tổ chức giao dịch:

3. Hợp đồng giao dịch:

Điều 2.⁽²⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm 2025 của Chính phủ quy định về thành lập, hoạt động của Sở giao dịch hàng hoá.

Điều 3. Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa này có giá trị đến hết ngày.... tháng..... năm...

Nơi nhận:

-⁽²⁾;

-⁽⁵⁾;

- Lưu: VT,⁽³⁾.

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.
- (2): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy phép.
- (3): Tên đơn vị trình.
- (4): Ghi bằng chữ in hoa.
- (5): Các cơ quan, đơn vị liên quan cần gửi Giấy phép.

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Số: /GP-BCT

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA***(Cấp lần thứ nhất: ngày ... tháng... năm.....
Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ : ngày... tháng... năm....
Cấp lại lần thứ..... : ngày.... tháng.... năm.....)***BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**Căn cứ⁽¹⁾.....;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày .. tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa;

Xét hồ sơ đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa theo Giấy đề nghị số..... của:.....⁽²⁾.....;Theo đề nghị của⁽³⁾.....;**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cấp phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa cho⁽²⁾.....;

- Mã số doanh nghiệp:...

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Email:

- Website:

1. Tên Sở giao dịch hàng hóa:

- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết bằng tiếng Việt⁽⁴⁾:.....

- Tên Sở giao dịch hàng hóa bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết tắt (nếu có):.....

2. Tên, địa chỉ nơi tổ chức giao dịch:

3. Hợp đồng giao dịch:

Điều 2.⁽²⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.**Điều 3.** Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa này có giá trị đến hết ngày.... tháng..... năm...., thay thế cho Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa số...../GP-BCT ngày.... tháng.... năm...../.

Nơi nhận:

-⁽²⁾;
-⁽⁵⁾;
- Lưu: VT,⁽³⁾.

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích:

- ⁽¹⁾: Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.
- ⁽²⁾: Tên doanh nghiệp được cấp Giấy phép.
- ⁽³⁾: Tên đơn vị trình.
- ⁽⁴⁾: Ghi bằng chữ in hoa.
- ⁽⁵⁾: Các cơ quan, đơn vị liên quan cần gửi Giấy phép.

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

Số: /GCN-BCT

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ LIÊN THÔNG**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**Căn cứ⁽¹⁾.....;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày .. tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký liên thông theo Giấy đề nghị số..... của:.....⁽²⁾.....;

Theo đề nghị của⁽³⁾.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Sở giao dịch hàng hóa- Giấy phép thành lập số:..... ngàytháng.....năm..... được liên thông với Sở Giao dịch hàng hóavới các nội dung sau:

1. Tên Sở giao dịch hàng hóa liên thông:

- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết bằng tiếng Việt⁽⁴⁾.....
- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết tắt (nếu có):.....

2. Địa chỉ của Sở giao dịch hàng hóa liên thông:.....

3. Loại hợp đồng được giao dịch liên thông:.....

Điều 2.⁽²⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận đăng ký liên thông này có giá trị đến hết ngày.... tháng..... năm..../.

Nơi nhận:

-⁽²⁾;
-⁽⁵⁾;
- Lưu: VT,⁽³⁾.

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.

⁽²⁾: Tên doanh nghiệp được cấp Giấy phép.

⁽³⁾: Tên đơn vị trình.

⁽⁴⁾: Ghi bằng chữ in hoa.

⁽⁵⁾: Các cơ quan, đơn vị liên quan cần gửi Giấy phép.

